

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN HOÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 4 /TB-UBND

Nguyễn Hoà, ngày 5 tháng 05 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Phù Cừ.

Căn cứ luật đất đai ngày 29/11/2013

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết ban hành một số điều của Luật đất đai ; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ TNMT về việc quy định chi tiết lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Căn cứ Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 19/05/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Phù Cừ.

Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Hoà thông báo công khai kế hoạch sử dụng đất đến năm 2022 gồm các nội dung sau:

Thời gian tổ chức công khai từ ngày 26 tháng 05 năm 2022 đến 31/12/2022.

Địa điểm thông báo tại UBND xã Nguyễn Hoà.

Tài liệu công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2022.

Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 19 tháng 05 năm 2022 của UBND tỉnh Hưng Yên. Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Phù Cừ.

Phụ lục về danh mục các loại đất nằm trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022.

Nhằm tuyên truyền, phổ biến đến các Ban ngành đoàn thể xã, các thôn và nhân dân trong xã nắm được nội dung, danh mục kế hoạch sử dụng đất huyện Phù Cừ năm 2022. Đảm bảo tính công khai và dân chủ trong thời kỳ thực hiện quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

Trên đây là thông báo của UBND xã Nguyễn Hoà về công bố, công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của Huyện Phù Cừ để các ngành đoàn thể, các thôn và nhân dân được biết thực hiện đảm bảo đúng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu: VP

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ



**CHỦ TỊCH
PHẠM VĂN TUNG**

HỘI ĐỒNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1094/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 19 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Phù Cừ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về việc sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 182/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 30/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Phù Cừ;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Phù Cừ tại Tờ trình số 51/TTr-UBND ngày 22/4/2022 và Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 265/TTr-STNMT ngày 13/5/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Phù Cừ với các

chỉ tiêu chủ yếu theo các Phụ lục đính kèm như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch theo Phụ lục số 01.
2. Kế hoạch thu hồi đất theo Phụ lục số 02.
3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất theo Phụ lục số 03.
4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng theo Phụ lục số 04.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Phù Cừ có trách nhiệm:

- Kiểm tra, hoàn thiện và lưu trữ đầy đủ các tài liệu liên quan trong quá trình lập kế hoạch sử dụng đất theo quy định tại các Điều từ 43 đến 50 Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Công bố công khai, tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật đất đai;
- Quản lý, sử dụng đất và thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt;
- Xây dựng kế hoạch giải phóng mặt bằng và chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng;
- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện; thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư của các dự án và kiến nghị thu hồi các dự án chậm triển khai theo quy định của pháp luật; rà soát dự án 03 năm chưa có quyết định thu hồi đất hoặc chưa được phép chuyển mục đích sử dụng đất để điều chỉnh, hủy bỏ theo quy định;
- Rà soát và kiểm tra hiện trạng các nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất ở; nghiêm túc xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về đất đai, đặc biệt đối với hành vi vi phạm tự ý chuyển mục đích sử dụng đất thuộc trường hợp phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên địa bàn. Sau khi xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về đất đai mới xem xét, quyết định việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Nhất là đối với việc chuyển mục đích đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở đã được công nhận nhưng chưa được công nhận là đất ở sang đất ở và việc đăng ký chuyển mục đích các loại đất từ thửa đất có vườn ao trong cùng thửa đất;
- Chịu trách nhiệm về tính pháp lý, ranh giới, diện tích chuyển mục đích sử dụng của hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật; đảm bảo phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt;
- Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc quản lý sử dụng đất đai theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt và theo quy định của Luật Đất đai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài

nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phù Cừ; Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *w*

Nơi nhận: *ngl*

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CV KT2^L.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hùng Nam
Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng
Yên
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 19/05/2022 15:23:23

Nguyễn Hùng Nam

Phụ lục số 01
PHÂN BỐ ĐIỆN TÍCH CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2022
 (Kèm theo Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính cấp xã															Đơn vị tính: ha
				Định Cao	Đoàn Đào	Minh Hoàng	Minh Tân	Minh Tiến	Nguyễn Hòa	Nhật Quang	Phan Sào Nam	Quang Hưng	Tam Đa	T.L. Trần Cao	Tiền Tiến	Tổng Phan	Tổng Tân		
1	Đất nông nghiệp	NNP	6206,43	678,38	614,47	413,91	420,91	425,14	349,56	358,29	433,51	436,42	383,73	255,50	335,90	523,72	576,99		
	Trong đó:																		
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3692,26	521,67	463,44	317,32	189,23	294,41	123,52	230,01	289,36	279,28	32,43	171,13	147,36	362,38	270,72		
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	3692,26	521,67	463,44	317,32	189,23	294,41	123,52	230,01	289,36	279,28	32,43	171,13	147,36	362,38	270,72		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	132,91	5,12	0,61	2,73	1,38	0,39	11,65	1,60	0,25	1,30	4,73	1,13	2,34	0,45	99,23		
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1589,54	74,43	70,39	44,45	194,44	53,20	151,39	74,66	98,42	96,05	300,37	37,84	142,12	96,06	155,72		
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	731,26	76,74	79,77	48,22	35,86	68,82	41,97	52,02	45,48	56,90	46,20	19,05	44,08	64,83	51,32		
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	60,46	0,42	0,26	1,19		8,32	21,03			2,89		26,35					
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3252,10	320,28	406,57	158,60	199,53	181,94	260,89	152,99	211,23	256,52	172,67	224,18	126,22	255,59	324,89		
	Trong đó:																		
2.1	Đất quốc phòng	QPP	7,97	1,50															
2.2	Đất an ninh	CAN	7,03	0,26	3,62	0,16	0,28	0,20	0,25	0,23	0,15	0,15	0,30	0,85	0,20	0,20	0,18		
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	122,45		72,25														
2.4	Đất thương mại dịch vụ	TMD	0,54	0,15										15,23					
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	29,34	2,46	1,83	0,09	4,34		0,90			0,36	3,38	7,02	0,20	1,79	0,42		
2.6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	15,99						2,00								13,99		
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1683,18	182,81	202,23	96,06	90,72	96,87	96,51	96,69	123,54	116,30	101,22	112,61	81,70	143,51	142,41		
	Trong đó:																		
	Đất giao thông	DGT	1112,61	123,09	140,43	57,04	58,53	60,81	62,50	70,43	87,92	81,58	57,74	65,07	54,08	99,99	93,40		

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính cấp xã															
				Định Cao	Đoàn Đào	Mình Hoàng	Mình Tân	Mình Tiến	Nguyễn Hòa	Nhật Quang	Phan Sào Nam	Quang Hưng	Tam Đa	T.L. Trần Cao	Tiền Tiến	Tổng Phan	Tổng Trần		
	Đất thủy lợi	DTL	345,51	41,74	34,12	26,63	19,21	23,42	22,22	15,00	21,92	25,98	26,32	14,52	18,87	25,47	30,09		
	Đất cơ sở văn hóa	DVH	11,43	0,97	0,30	0,55	1,11	0,86	0,61	0,21	0,67	0,71	0,60	3,15	0,44	0,35	0,90		
	Đất cơ sở y tế	DYT	6,06	0,16	3,16	0,10	0,25	0,21	0,39	0,13	0,34	0,19	0,22	0,15	0,20	0,39	0,17		
	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	44,13	3,84	2,81	1,58	1,50	1,67	1,57	3,19	2,72	1,85	8,40	6,33	1,58	5,26	1,83		
	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	14,36	1,32	1,20	1,37			0,76	1,28	1,02	0,74		4,86	0,21	0,26	1,34		
	Đất công trình năng lượng	DNL	3,96	0,29	1,40	0,63	0,05	0,20	0,17	0,04	0,07	0,05	0,27	0,27	0,15	0,13	0,24		
	Đất công trình hạ tầng	DBV	0,54	0,06		0,04	0,01	0,02	0,05	0,04			0,02	0,23	0,03	0,02	0,02		
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	6,02			0,03		0,48	1,51		0,29			0,01			3,70		
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	13,40	0,28	4,91	0,13	1,20	0,33	0,13	0,06	0,21	0,28	0,32	4,98	0,16	0,28	0,13		
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	15,91	0,64	1,00	0,62	1,07	0,76	0,53	0,17	1,12	0,28	0,04	5,73	0,84	0,98	2,13		
	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	102,99	10,00	12,19	7,16	7,09	7,35	5,91	6,04	7,15	4,24	6,83	5,65	5,03	10,13	8,22		
	Đất chợ	DCH	6,26	0,42	0,71	0,18	0,70	0,76	0,16	0,10	0,11	0,40	0,46	1,66	0,11	0,25	0,24		
2.8	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	1,29								0,42	0,01		0,86					
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	944,80	119,71	102,40	61,23	63,79	77,85	95,82	43,05	59,65	74,05	56,23		37,63	87,33	66,06		
2.10	Đất ở tại đô thị	ODT	76,60																
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,25	0,68	1,12	0,25	0,13	0,86	0,19	0,27	0,47	0,43	0,39	4,54	0,62	1,58	0,72		
2.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,93	0,10					0,24	2,14					0,89	0,56			
2.13	Đất cơ sở ăn uống	TIN	12,76	2,06	1,71	0,77	1,63	0,14	0,58	0,94	0,26	0,83	0,68	0,02	0,30	1,84	1,00		
2.14	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	323,93	10,24	21,39		38,64	5,96	63,84	9,07	26,31	23,23	10,47	6,42	4,57	11,63	92,16		
2.15	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	10,04	0,31	0,02	0,04		0,06	0,56	0,60	0,04			0,03	0,11	0,32	7,95		
3	Đất chưa sử dụng	CSD	5,29	0,76					0,30	0,31	0,06		0,42	0,29	0,24	0,28	2,73		

[illegible]

Đơn vị tính: ha

Tổng ban	Tổng Trần
-------------	--------------

Phụ lục số 04

KẾ HOẠCH ĐUA ĐẤT CHỨA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính												
				Đình Cao	Đoàn Đào	Minh Hoàng	Minh Tân	Minh Tiến	Nguyễn Hòa	Nhật Quang	Phan Sào Nam	Quang Hưng	Tam Đa	T.T. Trần Cao	Tiên Tiến	P.
1	Đất nông nghiệp	NNP														
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	0,02						0,02							
2.1	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,02						0,02							
	Trong đó:															
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,02						0,02							

THÔNG BÁO

Công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Phù Cù

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Phù Cù;

Ủy ban nhân dân huyện Phù Cù thông báo công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Phù Cù, gồm các nội dung sau:

1. Diện tích các Loại đất phân bổ trong năm kế hoạch:

Tổng diện tích tự nhiên là: 9.463,92 ha.

Trong đó:

- Nhóm đất nông nghiệp: 6.206,43 ha;
- Nhóm đất phi nông nghiệp: 3.252,10 ha;
- Nhóm đất chưa sử dụng: 5,39 ha.

2. Hồ sơ công bố công khai:

2.1. Hồ sơ công bố công khai tại cơ quan huyện, gồm:

- Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Phù Cù.
- Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Phù Cù.
- Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Phù Cù.
- Bản vẽ trích lục công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Phù Cù.

2.2. Hồ sơ công bố công khai tại các xã, thị trấn gồm:

- Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Phù Cù.
- Diện tích các Loại đất phân bổ trong năm kế hoạch của xã, thị trấn.
- Bản vẽ trích lục công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn của xã, thị trấn.

3. Địa điểm công khai:

3.1. Cấp huyện:

Công khai theo 2.1 Mục 2 Thông báo này được công khai tại nơi làm việc của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện (UBND huyện Phù Cù).

Địa chỉ: Thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên.

3.2. Cấp xã công khai:

Có trách nhiệm công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Phù Cù có liên quan đến các xã, thị trấn tại trụ sở UBND các xã, thị trấn; khai thác nội dung công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Phù Cù trên cổng thông tin điện tử của huyện (địa chỉ: <https://phucu.hungyen.gov.vn>).

4. Thời gian công khai:

Từ ngày ban hành Thông báo này đến ngày 31/12/2022.

5. Giao trách nhiệm các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn:

5.1. Phòng Văn hoá và thông tin huyện:

Công bố công khai toàn bộ tài liệu có liên quan về Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Phù Cù lên trang thông tin điện tử của UBND huyện Phù Cù tại địa chỉ: <https://phucu.hungyen.gov.vn>.

5.2. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện:

Thực hiện công khai theo 2.1 Mục 2 Thông báo này được công khai tại nơi làm việc của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện.

Địa chỉ: Thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên.

5.3. UBND các xã, thị trấn:

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến các cơ quan, đơn vị và nhân dân thuộc địa bàn quản lý về Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Phù Cù.

- Thường xuyên kiểm tra, phát hiện và xử lý theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

5.4. Trung tâm Văn hoá và Truyền thanh huyện:

Thông tin nội dung Thông báo này trên phương tiện truyền thanh của huyện để các cơ quan, tổ chức và nhân dân biết.

5.5. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Phù Cừ đạt hiệu quả.

Trên đây là Thông báo của UBND huyện về công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Phù Cừ để các cơ quan, đơn vị và nhân dân biết, thực hiện đảm bảo đúng theo Kế hoạch được phê duyệt./...*uot*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Hưng Yên;
 - Sở TNMT tỉnh;
 - Thường trực Huyện ủy;
 - Thường trực HĐND huyện;
 - Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
 - Lãnh đạo VP HĐND- UBND huyện;
 - Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
 - TTVH-Truyền thanh huyện;
 - UBND các xã, thị trấn;
 - Lưu: VT, TNMT.
- } (Để báo cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Khả Phúc

